

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 09 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: PHẠM THỊ THU Ngày tháng năm sinh: 20/06/1983
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó bí thư chi bộ, phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Hoa Ban
- Nơi thường trú: SN 1014 – Tổ 2 – Phường Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011183001073
ngày cấp 14/08/2023, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Văn Khởi Ngày tháng năm sinh: 11/05/1972
- Nghề nghiệp: Cắt tóc
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tại nhà
- Nơi thường trú: SN 1014 – Tổ 2 – P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011072000712,
ngày cấp 8/04/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Tiến Đạt Ngày tháng năm sinh: 02/11/2006
- Nơi thường trú: SN 1014 – Tổ 2 – P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 011206001225,
ngày cấp: 18/4/2021, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

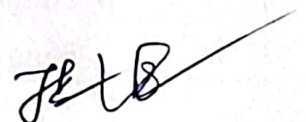
3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: Phạm Khánh Ngọc Ngày tháng năm sinh: 02/09/2010
- Nơi thường trú: SN 1014 – Tổ 2 – P. Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân : 011310001693,
ngày cấp: 05/7/2024, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:



1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: SN 1014 – Tổ 2 – Phường Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 64m vuông
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số H13854/QSDD
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: SN 1014 – Tổ 2 – Phường Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 192m vuông
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có
- Thông tin khác (nếu có): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Có sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu trở lên (khai theo từng loại): Không có

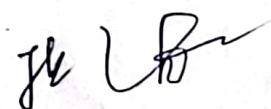
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không có

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 622.000.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 232.000.000đ
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 60.000.000đ



- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0

- Tổng các khoản thu nhập chung: 330.000.000đ (Mẹ đẻ cho 200.000.000đ và dư từ tiền bán đất 130.000.000đ)

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp	01 sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập, nán nhà và được cho.

jk 2B

luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.

622 triệu

- Tổng thu nhập của người kê khai: 232 triệu.

- Tổng thu nhập của chồng: 60.000.000đ

- Tiền bán thừa đất: 130 triệu.

- Mẹ cho 200 triệu.

Điện Biên Phủ, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(HIỆU TRƯỞNG)



*Phạm Thị Lợi

Điện Biên Phủ, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Phạm Thị Thu